

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày 27 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Tiễn

- Ông Phạm Xoa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Mộng T (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/10/19xx tại thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT: Tổ X, phường K, quận B, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: Đường Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị U; bị cáo có chồng đã ly hôn và 02 con (sinh năm 1994 và 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 9 năm 2019, bị tạm giam từ ngày 15 tháng 9 năm 2019. (có mặt)

2. Bùi Minh A (tên gọi khác: Không); sinh ngày 31/8/20xx tại thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT: Tổ X, phường K, quận B, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: Đường Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trung K và bà Lê Thị Mộng T; bị cáo chưa có chồng con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 9 năm 2019, bị tạm giam từ ngày 15 tháng 9 năm 2019. (có mặt)

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Minh A: Ông Bùi Văn K, sinh năm 19xx – Địa chỉ: Tổ X, phường K, quận B, thành phố Đà Nẵng – là cha ruột của bị cáo A. (có mặt)

+ Người bào chữa cho bị cáo Bùi Minh A: Bà Trần Thị Thùy V – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn D – Sinh năm 19xx – Địa chỉ: Đường L, phường K, quận B, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Đình Quốc Y – Sinh năm 19xx – Địa chỉ: Đường Hà Huy Tập, phường K, quận B, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

3. Ngân hàng TMCP O – Địa chỉ: Đường V, quận B, thành phố Đà Nẵng – Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 19xx. (vắng mặt)

+ Người làm chứng: Bà Triệu Bảo E – Sinh năm 19xx – Địa chỉ: Đường P, phường I, quận R, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Người chứng kiến: Ông Nguyễn Đức Q – Sinh năm 19xx – Địa chỉ: Tổ Y, phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/9/2019, tại trước quán cà phê Quỳnh - Số 528 đường Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tuần tra phát hiện Triệu Bảo E điều khiển xe mô tô hiệu SH Mode, màu trắng, biển kiểm soát 43D1-685.48 chở sau Bùi Minh A có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra, phát hiện bắt quả tang A đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Vật chứng thu giữ của Bùi Minh A, gồm:

- Trong tay phải của A 01 gói thuốc lá hiệu White Horse, bên trong có 01 gói ni lông màu trắng kích thước (3.5×03) cm, chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong kí hiệu “A”.

- 01 điện thoại di động, có dòng chữ OPPO, màu đỏ, số Imei: 869604031031395 và 869604031031387, bên trong có gắn sim số: 0901.170.615 và 0589.596.830.

- 01 xe mô tô hiệu SH Mode, màu trắng, biển kiểm soát 43D1-685.48, số máy: JF51EOG1501G, số khung: RLHJF513YGY312329.

Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Minh A tại đường Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Tại thời điểm khám xét trong nhà có Lê Thị Mộng T là mẹ ruột của Bùi Minh A, Nguyễn Đình Quốc Y và Đỗ Văn D.

* Vật chứng thu giữ:

- Trên bề mặt cửa sổ trong phòng ngủ của căn nhà bao gồm:

+ 01 hộp giấy có chữ WODWOD, bên trong có:

- 01 hộp thiếc màu xanh, có chữ DoubleMint chứa 11 gói ni lông, kích thước mỗi gói (1,5×02) cm, đều chứa chất rắn, dạng tinh thể màu trắng.
- 01 hộp nhựa, kích thước (03×05) cm chứa 19 gói ni lông, kích thước (01×02) cm đều chứa chất rắn, dạng tinh thể màu trắng, tất cả đều được niêm phong, kí hiệu là “B”.

+ 01 cân tiểu ly điện tử, màu trắng; 10 chiếc bao ni lông chưa qua sử dụng, kích thước khoảng (02×03) cm; 02 túi thủy tinh.

- Trong bếp của căn nhà bao gồm: 01 bình ga mini có gắn đầu khò; 10 ống hút bằng nhựa; 50 chiếc bao ni lông chưa qua sử dụng; 01 bình nhựa đầu có gắn ống hút bằng nhựa.

* Vật chứng thu giữ của Lê Thị Mộng T gồm:

- 01 điện thoại di động, có dòng chữ OPPO, màu xanh-đen-tím, số Imei: 863980044048071, có gắn sim số: 0589.596.830 và 0921.050.968.

- 01 điện thoại di động, có dòng chữ Iphone, màu trắng, số Imei: 012752008494140, có gắn sim số: 0905.943.419.

- Tiền VNĐ: 800.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 258 ngày 13/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành Phố Đà Nẵng, kết luận: Chất tinh thể rắn, màu trắng trong mẫu niêm phong kí hiệu “A” và “B” gửi giám định đều là ma túy, loại METHAMPHETAMINE; khối lượng mẫu “A”: 0.791 gam; mẫu “B”: 6.067 gam. Tổng trọng lượng ma túy là: 0,791 gam + 6,067 gam = 6,858 gam.

Quá trình điều tra, Lê Thị Mộng T, Bùi Minh A, Đỗ Văn D, và Nguyễn Đình Quốc Y khai nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2019, do cần tiền chi tiêu sinh hoạt nhưng không có công việc ổn định nên Lê Thị Mộng T bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy. Sau đó, con gái T là Bùi Minh A biết được việc và cùng tham gia. Thời gian đầu, T là người trực tiếp mua ma túy của các đối tượng có tên Méo, Xin (chưa xác định được lai lịch) để bán lại kiếm lời. Cuối tháng 7/2019, T nhờ A tìm nguồn mua ma túy mới. Thông qua bạn bè quen biết ngoài xã hội giới thiệu, A sử dụng số điện thoại 0901.170.615 trực tiếp liên lạc mua ma túy với nam thanh niên tên Kaly (chưa xác định được lai lịch) qua số điện thoại 0935.040.053 về đưa lại cho T cất giấu để bán, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Cuối tháng 7/2019, tại khu vực quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng, A mua của Kaly 700.000 đồng ma túy đá.

- Lần thứ 2: Tháng 8/2019, tại khu vực quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng, A mua của Kaly 6.500.000 đồng ma túy đá. A điều khiển xe mô tô BKS 43D1-685.48 chở T đi lấy ma túy.

- Lần thứ 3: Ngày 05/9/2019, T nói A mua 5.000.000 đồng ma túy đá; nhưng A chỉ mua ma túy 3.800.000 đồng, còn lại 1.200.000 đồng A tiêu xài cá nhân.

Toàn bộ số ma túy bị phát hiện và thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của A là số ma túy mà A và T mua của Kaly trong hai lần gần nhất còn lại. Số tiền mua ma túy của Kaly đều do T đưa cho A. Sau khi mua xong, A đưa ma túy cho T, T là người trực tiếp nhân chia thành các gói nhỏ để bán kiếm lời. Tiền lời thu được từ việc bán ma túy T và A cùng nhau tiêu xài và trả nợ. Khi các con nghiện có nhu cầu thì liên hệ trực tiếp với T qua số điện thoại 0905.943.419 để mua ma túy, giao dịch tại nhà của T. T đã bán cho Nguyễn Đình Quốc Y và Đỗ Văn D năm lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Giữa tháng 7/2019, Y liên hệ A để hỏi mua ma túy, A đồng ý và T là người trực tiếp bán ma túy cho Y tại nhà T. Từ đây, Y bắt đầu liên hệ trực tiếp với T để mua ma túy sử dụng.

- Lần thứ hai: Giữa cuối tháng 7/2019, tại nhà T, Y mua của T 300.000 đồng ma túy đá để sử dụng.

- Lần thứ ba: Cuối tháng 7/2019, tại nhà T, Y và D góp mỗi người 100.000 đồng mua ma túy đá của T để sử dụng.

- Lần thứ tư: Sau đó vài ngày, tại nhà T, Y và D góp mỗi người 100.000 đồng mua ma túy đá của T để sử dụng.

- Lần thứ năm: Khoảng 19 giờ ngày 06/9/2019, Y và D góp mỗi người 100.000 đồng đến nhà T mua ma túy đá của T và sử dụng tại đây. Sau khi sử dụng xong thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu khám xét khẩn cấp, phát hiện và mời về làm việc.

Ngoài ra, T còn bán ma túy cho nhiều người khác nhưng không nhớ rõ nhân thân lai lịch. Riêng trong ngày 06/09/2019, T còn bán như sau:

- Khoảng 9 giờ 00 ngày 06/9/2019, bán cho một thanh niên tên Thanh 200.000 đồng ma túy đá.

- Khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, bán cho một nam thanh niên lạ mặt (chưa xác định được lai lịch) 100.000 đồng ma túy đá.

Đối với Bùi Minh A, khi có ai liên lạc mua ma túy thì A nói lại T phân chia ma túy đưa cho A trực tiếp đi bán hoặc hẹn con nghiện đến nhà mua ma túy từ T. Qua đó, A đã bán ma túy cho nam thanh niên tên Bi 03-04 lần với giá từ 700.000 đồng-1.000.000 đồng và một số người khác (đều chưa xác định được lai lịch). Riêng vào ngày 06/9/2019, Bi sử dụng số điện thoại 0796.581.956 liên lạc với A qua số 0901.170.615 hỏi mua 1.200.000 đồng ma túy đá. A đồng ý và hẹn bán tại trước quán cà phê Quỳnh. A gọi điện cho T nói có người hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy đá, T phân ma túy bỏ vào hộp thuốc hiệu Whitehorse để ở bộ của sổ để A về lấy đi bán cho Bi. Lúc này, A đi chơi với Triệu Bảo E nên nhờ Lộc chở về nhà. Khi đến trước nhà, A nói Lộc dừng xe đứng phía ngoài chờ A vào nhà có tí việc rồi tiếp tục chở A đến quán cà phê Quỳnh. Khi A vừa đến trước quán thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang như nêu trên. Lộc hoàn toàn không biết về việc A tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy.

Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A thu lợi bất chính số tiền là 3.600.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 17 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Thị Mộng T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c, e, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Bùi Minh A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng đã đề cập và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng b, c, e, i khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Thị Mộng T từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Áp dụng b, i khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Minh A từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên tịch thu và tiêu hủy: 0,626 gam mẫu A; 5,785 gam mẫu B và toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn lại sau giám định theo kết luận giám định số 258/GĐ-MT ngày 13/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 gói thuốc lá hiệu White Horse, 01 hộp giấy có chữ WODWOD, 01 hộp thiếc màu xanh có chữ DoubleMin, 01 hộp nhựa, 01 cân tiểu ly điện tử màu trắng, 10 chiếc bao ni lông chưa qua sử dụng, kích thước khoảng (02×03) cm, 02 tàu thủy tinh, 01 bình ga mini có gắn đầu khò; 10 ống hút bằng nhựa; 50 chiếc bao ni lông chưa qua sử dụng; 01 bình nhựa đầu có gắn ống hút bằng nhựa.

+ Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, có dòng chữ OPPO, màu đỏ, số Imei: 869604031031395 và 869604031031387, bên trong có gắn sim số: 0901.170.615 và 0589.596.830; 01 điện thoại di động, có dòng chữ Iphone, màu trắng, số Imei: 012752008494140, có gắn sim số: 0905.943.419; số tiền 800.000 đồng.

+ Tuyên truy thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền 800.000 đồng thu lợi bất chính từ bị cáo Lê Thị Mộng T.

+ Tuyên trả lại cho Lê Thị Mộng T 01 điện thoại di động, có dòng chữ OPPO, màu xanh-đen-tím, số Imei: 863980044048071, có gắn sim số: 0589.596.830 và 0921.050.968.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu SH Mode, màu trắng, biển kiểm soát 43D1-685.48, số máy: JF51EOG1501G, số khung: RLHJF513YGY312329: Chiếc xe này thuộc sở hữu của Lê Thị Mộng T nhưng đang cầm cố cho Ngân hàng TMCP O, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng TMCP O.

- Các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng người, đúng tội, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Minh A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A vì bị cáo tuổi còn nhỏ nên nhận thức hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, ly tán.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Minh A là bà Trần Thị Thùy V thống nhất về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị áp dụng đối với bị cáo A. Khi phạm tội bị cáo A chưa đủ 18 tuổi, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, tự thú những lần phạm tội trước đó. Bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bố mẹ ly hôn, mẹ không có công việc ổn định, môi trường sống phức tạp nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do tự mình gây ra quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A. Đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo cũng như người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A thừa nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/9/2019, tại trước quán cà phê Quỳnh - Số 528 đường Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Bùi Minh A bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tuần tra phát hiện bắt quả tang đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamin chưa kịp bán.

Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Minh A tại K408/05 Tôn Đức, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thì phát hiện và thu giữ ma túy loại Methamphetamin do Bùi Minh A và mẹ A là Lê Thị Mộng T là tàng trữ trái phép để bán. Tổng khối lượng ma túy thu giữ của T và A là: 6,858 gam.

Các bị cáo khai nhận từ tháng 6/2019 đến thời điểm bị bắt đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều người khác nhau, cụ thể: T bán cho Nguyễn Đình Quốc Y và Đỗ Văn D

05 lần; A bán cho đối tượng tên Bi 3 – 4 lần; ngoài ra còn bán cho một số đối tượng khác không rõ lai lịch, địa chỉ.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Lê Thị Mộng T đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đối với 02 người trở lên, sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội và khối lượng ma túy bị cáo T phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c, e, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Bùi Minh A đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và khối lượng ma túy bị cáo A phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng; biết rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của mình hoặc để có tiền tiêu xài cá nhân nên vẫn thực hiện hành vi bị pháp luật cấm. Riêng bị cáo Lê Thị Mộng T là mẹ của bị cáo Bùi Minh A nhưng không có ý thức giáo dục con mà còn để bị cáo A cùng tham gia phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, xâm phạm sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo A là người chưa thành niên, cha mẹ ly hôn. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; tự thú những lần mua bán ma túy trước đó. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét, vận dụng khi quyết định hình phạt. Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bào chữa về việc áp dụng điểm g khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo A.

[6] Về quyết định hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các

bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A mức án nghiêm khắc, phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng chống tội phạm nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không thỏa mãn các điều kiện để áp dụng cũng như thi hành hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 0,626 gam mẫu A; 5,785 gam mẫu B và toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn lại sau giám định: Đây là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 gói thuốc lá hiệu White Horse, 01 hộp giấy có chữ WODWOD, 01 hộp thiếc màu xanh có chữ DoubleMin, 01 hộp nhựa, 01 cân tiểu ly điện tử màu trắng, 10 chiếc bao ni lông chưa qua sử dụng, kích thước khoảng (02×03) cm, 02 tàu thủy tinh, 01 bình ga mini có gắn đầu khò, 10 ống hút bằng nhựa, 50 chiếc bao ni lông chưa qua sử dụng, 01 bình nhựa đầu có gắn ống hút bằng nhựa: Đây là vật không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động, có dòng chữ OPPO, màu đỏ, số Imei: 869604031031395 và 869604031031387, bên trong có gắn sim số: 0901.170.615 và 0589.596.830; 01 điện thoại di động, có dòng chữ Iphone, màu trắng, số Imei: 012752008494140, có gắn sim số: 0905.943.419: Đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, có dòng chữ OPPO, màu xanh-đen-tím, số Imei: 863980044048071, có gắn sim số: 0589.596.830 và 0921.050.968: Điện thoại này Lê Thị Mộng T dùng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến việc mua bán ma túy nên trả lại cho bị cáo T là có cơ sở.

- Đối với số tiền 800.000 đồng thu giữ của Lê Thị Mộng T: Đây là tiền có được từ mua bán ma túy nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 3.600.000 đồng các bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy: Toàn bộ số tiền mua bán ma túy bị cáo Lê Thị Mộng T giữ và tiêu xài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên truy thu, nộp Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu SH Mode, màu trắng, biển kiểm soát 43D1-685.48, số máy: JF51EOG1501G, số khung: RLHJF513YGY312329 đứng tên chủ sở hữu là Lê Thị Mộng T: Đây là tài sản thuộc sở hữu của Lê Thị Mộng T, T dùng tài sản vào việc phạm tội nên thuộc trường hợp bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, xe mô tô này đang được cầm cố để đảm bảo cho khoản nợ vay của T tại Ngân hàng TMCP O Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A628.263 ngày 12/10/2018 và hai bên đã thỏa thuận giao lại cho T giữ tài sản theo Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 12/10/2018. Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố và thỏa thuận gửi giữ tài sản là hợp pháp, việc T sử dụng tài sản vào phạm tội Ngân hàng

không biết, cả T và Ngân hàng đều xác nhận T còn nợ Ngân hàng. Do đó, áp dụng tinh thần của Thông tư liên tịch số 06/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTC-BTP ngày 24/10/1998, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của Ngân hàng, cần tuyên trả lại cho Ngân hàng TMCP O là phù hợp.

[9] Đối với Nguyễn Đình Quốc Y và Đỗ Văn D có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử lý hành chính là có căn cứ.

[10] Đối với Triệu Bảo E đi chơi cùng A nhưng không biết, không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của A nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không xử lý là có căn cứ.

[11] Đối với các đối tượng Méo, Xin, Kaly là những người bán ma túy cho T và A; nam thanh niên tên Thanh, Bi và những người mua ma túy của T và A đến nay chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[11] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm b, c, e, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt Lê Thị Mộng T 09 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2019.

2. Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt Bùi Minh A 05 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 0,626 gam mẫu A; 5,785 gam mẫu B và toàn bộ vỏ bao gói mẫu hoàn lại sau giám định; 01 gói thuốc lá hiệu White Horse, 01 hộp giấy có chữ WODWOD, 01 hộp thiếc màu xanh có chữ DoubleMin, 01 hộp nhựa, 01 cân tiểu ly điện tử màu trắng, 10 chiếc bao ni lông chưa qua sử dụng, kích thước khoảng (02×03) cm, 02 tàu thủy tinh, 01 bình ga mini có gắn đầu khò, 10 ống hút bằng nhựa, 50 chiếc bao ni lông chưa qua sử dụng, 01 bình nhựa đầu có gắn ống hút bằng nhựa.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, có dòng chữ OPPO, màu đỏ, số Imei: 869604031031395 và 869604031031387, bên trong có gắn sim số:

0901.170.615 và 0589.596.830; 01 điện thoại di động, có dòng chữ Iphone, màu trắng, số Imei: 012752008494140, có gắn sim số: 0905.943.419; số tiền 800.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị Mộng T: 01 điện thoại di động, có dòng chữ OPPO, màu xanh-đen-tím, số Imei: 863980044048071, có gắn sim số: 0589.596.830 và 0921.050.968.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP O 01 xe mô tô hiệu SH Mode, màu trắng, biển kiểm soát 43D1-685.48, số máy: JF51EOG1501G, số khung: RLHJF513YGY312329 đứng tên chủ sở hữu là Lê Thị Mộng T.

(Các vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 01 năm 2020).

- Truy thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 3.600.000 đồng đối với bị cáo Lê Thị Mộng T.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Buộc các bị cáo Lê Thị Mộng T, Bùi Minh A mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Thị Mộng T và Bùi Minh A, ông Bùi Văn K, bà Trần Thị Thùy V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**